

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Jung Woo Lee

Ông Trương Phú Chiến

Ông Võ Ngọc Thành

Ông Nguyễn Ngọc Hòa

Ông Jeong Hoon, Cho

Ông Seok Hoon Yang

Ông Phan Văn Thiện

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Miễn nhiệm ngày 24/03/2012

Ban Giám đốc

Ông Trương Phú Chiến

Ông Phan Văn Thiện

Ông Nguyễn Quốc Hoàng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TÁC KHÔI PHỤC DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÁNH PIE

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo về công tác khôi phục sản xuất dây chuyền sản xuất bánh Lotte Pie tại Công ty TNHH MTV BiBiCa Miền Đông – công ty con - sau sự cố hỏa hoạn như sau:

- Tổng chi phí khôi phục lại dây chuyền sản xuất bánh Pie đến 31/12/2012 là 146.012.799.135 đồng, trong đó:
 - Giá trị tồn thất của hàng tồn kho + giá trị còn lại của TSCĐ hư hỏng do hỏa hoạn = 40.860.388.275 đồng.
 - Chi phí khôi phục dây chuyền sản xuất bánh Pie là 105.152.410.860 đồng.
- Trong quá trình thương lượng giữa Công ty và PVI chưa thống nhất được phương pháp xác định giá trị bồi thường, do đó Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện ra tòa, đòi bồi thường theo Hợp đồng đã ký kết.
- Dây chuyền Lotte Pie chính thức trở lại hoạt động bình thường từ ngày 05/02/2012 đến nay.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Phú Chiến

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Số: 02/VACO/BCKT.NV2**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Bibica (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11/03/2013 từ trang 4 đến trang 32 kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý người đọc một số vấn đề sau:

Ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/06/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thương thảo giá trị đền bù. Khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất với giá trị được đền bù sẽ được ghi nhận như một khoản thu nhập hoặc chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		380.696.671.393	421.796.982.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	49.471.255.612	60.321.483.966
1. Tiền	111		27.471.255.612	13.321.483.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	47.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.851.249.601	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.957.906.315	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.106.656.714)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201.226.866.750	229.704.535.224
1. Phải thu khách hàng	131	6	47.682.655.439	65.068.213.173
2. Trả trước cho người bán	132		3.846.164.790	18.346.461.915
3. Các khoản phải thu khác	135	7	155.654.539.045	149.941.936.340
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(5.956.492.524)	(3.652.076.204)
IV. Hàng tồn kho	140	9	120.092.660.181	120.841.420.630
1. Hàng tồn kho	141		122.346.015.582	122.488.395.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.253.355.401)	(1.646.974.976)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.054.639.249	10.929.542.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.695.278.424	2.305.459.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.990.300.525	6.892.554.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	707.894.068	411.818.225
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	661.166.232	1.319.709.989
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		387.681.307.969	364.401.076.927
I. Tài sản cố định	220		373.552.907.110	344.070.735.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	325.847.392.497	309.297.066.544
- Nguyên giá	222		565.065.524.339	514.025.137.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.218.131.842)	(204.728.071.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.828.495.221	1.519.953.635
- Nguyên giá	228		4.176.795.852	3.613.177.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.348.300.631)	(2.093.223.517)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	45.877.019.392	33.253.715.070
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.645.772.300
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	15.398.497.149
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(10.752.724.849)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.128.400.859	15.684.569.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14.128.400.859	15.684.569.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		768.377.979.362	786.198.058.995

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		189.325.436.737	211.890.762.223
I. Nợ ngắn hạn	310		187.574.820.737	209.357.352.483
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.201.997.681	876.135.746
2. Phải trả người bán	312		81.797.110.420	92.476.793.641
3. Người mua trả tiền trước	313		6.051.848.179	7.059.878.473
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	11.691.953.680	16.361.521.417
5. Phải trả người lao động	315		5.641.268.612	5.860.481.754
6. Chi phí phải trả	316	18	39.906.938.005	44.855.499.296
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	40.630.572.283	39.735.416.279
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		653.131.877	2.131.625.877
II. Nợ dài hạn	330		1.750.616.000	2.533.409.740
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.750.616.000	1.675.616.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	857.793.740
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		579.052.542.625	574.307.296.772
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	579.052.542.625	574.307.296.772
1. Vốn điều lệ	411		154.207.820.000	154.207.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		302.726.583.351	302.726.583.351
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	317.338.936
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		85.330.469.603	62.102.469.603
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.562.431.382	9.244.431.382
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.225.238.289	45.708.653.500
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		768.377.979.362	786.198.058.995

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
Ngoại tệ các loại		
- USD	383.254,02	29.631,66
- EUR	14.640,07	15.378,63



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh		Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng	01		938.970.158.431	1.009.368.246.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.316.962.686	9.059.852.801
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	21	929.653.195.745	1.000.308.393.875
4. Giá vốn hàng bán	11	22	664.229.356.533	709.972.778.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		265.423.839.212	290.335.615.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.343.210.972	14.809.152.705
7. Chi phí tài chính	22	25	4.206.300.257	13.463.591.909
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		191.289.446.460	188.969.964.301
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.319.091.617	49.105.784.274
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		28.952.211.850	53.605.427.912
11. Thu nhập khác	31		7.668.865.489	5.623.241.655
12. Chi phí khác	32		4.157.077.199	3.899.544.846
13. Lợi nhuận khác (40=30+31-32)	40		3.511.788.290	1.723.696.809
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.464.000.140	55.329.124.721
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	6.578.415.349	8.959.788.645
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.885.584.791	46.369.336.076
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.679	3.007



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

TKP

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	32.464.000.140	55.329.124.721
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	41.428.502.233	30.285.281.637
- Các khoản dự phòng	3	(1.735.271.390)	(2.132.656.999)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(2.637.545.516)	(7.062.134.084)
- Chi phí lãi vay	6	388.205.421	6.728.033.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	69.907.890.888	83.147.648.495
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(68.698.754.212)	(155.553.800.114)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	142.380.024	(2.854.509.974)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.286.173.103)	55.842.843.973
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.042.499.615)	(3.274.515.991)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(388.205.421)	(6.728.033.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.241.209.985)	(7.512.435.033)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.014.616.000	1.854.697.325
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.618.800.404)	(1.310.387.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.210.755.828)	(36.388.491.539)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	32.991.822.909	(6.405.449.975)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.817.727.276	1.364.082.281
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(292.219.877.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	360.224.797.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(54.690.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.440.590.834	6.118.007.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.397.056.735	12.826.184.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.647.197.754	81.853.054.017

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.749.504.194	5.514.295.808
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.423.642.259)	(64.368.720.039)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.602.623.000)	(15.380.001.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(18.276.761.065)</i>	<i>(74.234.425.231)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(10.840.319.139)</i>	<i>(28.769.862.753)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	60.321.483.966	89.081.437.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.909.215)	9.909.216
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	49.471.255.612	60.321.483.966



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

74

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bibica (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 234/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo, nha thuộc Công ty Đường Biên Hòa, Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 059167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/1/1999, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lại lần thứ hai ngày 05/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103010755 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13/5/2009 là: 154.207.820.000 VND.

Danh sách cổ đông sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	250.000	2.500.000.000	2,32
Trần Xuân Trinh	48.000	480.000.000	0,45
Phạm Thị Sum	45.000	450.000.000	0,42
Phan Văn Thiện	32.000	320.000.000	0,30
Nguyễn Văn Lộc	26.500	265.000.000	0,25
Lê Thị Kim Hoa	10.500	105.000.000	0,10
Trần Văn Lịch	10.110	101.100.000	0,09
Hoàng Thọ Vĩnh	10.000	100.000.000	0,09
Cộng	432.110	4.321.100.000	4,02

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 1.209 người (Tại ngày 31/12/2011 là 1.235 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán các sản phẩm: đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty); kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 443 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Nhà máy Bibica Biên Hòa.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
- Nhà máy Bibica Hà Nội.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Quận Long Biên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Công ty có các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa, các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; sản xuất nước giải khát, bột giải khát; mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát.
Công ty Bibica Miền Bắc TNHH	Khu Công nghiệp Phố Mới A, tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng; sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành; sản xuất kinh doanh nước giải khát, bột giải khát.

Sự kiện ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Ngày 5/6/2012, Công ty đã có Công văn số 00577/BBC gửi PVI đề nghị thanh toán số tiền bảo hiểm là 139.106.378.308 đồng. Trong quá trình thương lượng giữa Công ty và PVI chưa thống nhất được phương pháp xác định giá trị bồi thường, do đó Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện ra tòa, đòi bồi thường theo Hợp đồng đã ký kết.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Lotte Confectionery Co., Ltd. do Công ty này nắm giữ 38,6% vốn điều lệ của Công ty;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cùng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (theo thời điểm). Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Năm 2012 (Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 12
Tài sản khác	4 - 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không trích khấu hao. Ngoài ra, tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ trong thời hạn từ 3 năm đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, phí tư vấn, công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 46221000580 ngày 7/8/2008 thì Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con Công ty Cổ phần Bibica) được hưởng ưu đãi đầu tư đối với thu nhập từ dây chuyền sản xuất Layer Cake, hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm. Công ty được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake.

Các loại thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	465.631.075	463.496.892
Tiền gửi ngân hàng	27.005.624.537	12.857.987.074
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	47.000.000.000
Cộng	49.471.255.612	60.321.483.966

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	8.957.906.315	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(6.106.656.714)	-
Cộng	2.851.249.601	-

Ghi chú: Công ty có kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ trong năm 2013 để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày toàn bộ số dư các khoản đầu tư chứng khoán đang nắm giữ là khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Dự phòng giảm giá
<i>Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh</i>				
Công ty Cổ phần Đá Hòa An	15.750	684.881.000	151.200.000	533.681.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	90.771	2.305.557.334	635.397.001	1.670.160.333
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Thành	2	71.672	66.000	5.672
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển	3.330	273.092.000	59.607.000	213.485.000
Công ty Cổ phần HAPACO	26.045	766.727.922	125.016.000	641.711.922
Công ty Cổ phần Bao bì Mỹ Châu	41.052	975.259.756	492.624.000	482.635.756
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	8.400	645.430.500	99.960.000	545.470.500
Công ty Cơ điện lạnh Sài Gòn	74.998	1.460.995.826	412.467.000	1.048.528.826
Công ty Cổ phần dệt may Thành Công	8.842	164.448.732	53.052.000	111.396.732
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	41.930	1.681.341.799	821.828.000	859.513.799
<i>Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội</i>				
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	2	99.774	32.600	67.174
		<u>8.957.906.315</u>	<u>2.851.249.601</u>	<u>6.106.656.714</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Lotte Confectionary	(118.233.960)	380.739.420
Các đối tượng khác	47.800.889.399	64.687.473.753
Cộng	<u>47.682.655.439</u>	<u>65.068.213.173</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu công đoàn công ty (cổ phiếu CBCNV nghỉ việc)	413.015.000	385.775.000
Phải thu lãi tài khoản tiền gửi	-	257.277.778
Phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu BHXH	1.069.220.074	1.165.908.874
Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất	1.127.961.480	847.482.165
Giá trị tổn thất cháy dây truyền sản xuất bánh Pie (**)	40.860.388.275	45.247.942.900
Chi phí khôi phục dây chuyền sản xuất bánh Pie (***)	105.152.410.860	94.884.049.036
Phải thu khác	2.031.543.356	2.153.500.587
Cộng	<u>155.654.539.045</u>	<u>149.941.936.340</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú: (*) Khoản cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết vay 05 tỷ đồng: Tại bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 21/6/2012 của Tòa án quận Tân Bình đã thông qua phán quyết Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết phải trả Công ty cả gốc và lãi với số tiền là 9.052.812.500 VND. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản tiền cho vay này.

(**) Giá trị tổn thất cháy đây truyền sản xuất bánh Pie chi tiết như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị hàng tồn kho tổn thất do hỏa hoạn	2.894.049.059	4.978.627.999
Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của tài sản, hàng hóa tổn thất do hỏa hoạn	-	2.302.975.685
Giá trị còn lại của tài sản cố định hư hỏng nằm trong danh mục bảo hiểm	37.966.339.216	37.966.339.216
Cộng	40.860.388.275	45.247.942.900

(***) Phản ánh toàn bộ chi phí khôi phục dây truyền sản xuất bánh Pie theo đánh giá của Công ty sẽ được xem xét bồi thường theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm đã ký với PVI đến ngày 31/12/2012 là 105.152.410.860 VND.

Ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Do đó, toàn bộ giá trị tổn thất về tài sản, hàng tồn kho và các chi phí khắc phục sự cố như đã nêu tại mục (**) và (***) sẽ thuộc vào kết quả thương thảo giá trị đền bù với PVI trong thời gian tới. Khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất với giá trị được đền bù sẽ được ghi nhận như một khoản thu nhập hoặc chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng	956.492.524	1.152.076.204
Dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	5.000.000.000	2.500.000.000
Cộng	5.956.492.524	3.652.076.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	27.729.061	327.392.367
Nguyên liệu, vật liệu	64.303.979.550	61.502.745.106
Công cụ, dụng cụ	929.408.607	1.304.757.860
Chi phí SX, KD dở dang	703.859.160	789.218.650
Thành phẩm	33.457.373.388	30.938.504.848
Hàng hóa	17.045.991.823	27.625.776.775
Hàng gửi đi bán	5.877.673.993	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	122.346.015.582	122.488.395.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.253.355.401)	(1.646.974.976)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	120.092.660.181	120.841.420.630

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	707.894.068	411.818.225
Cộng	707.894.068	411.818.225

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	256.701.358	255.998.679
Tạm ứng	404.464.874	1.063.711.310
Cộng	661.166.232	1.319.709.989

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	81.192.094.567	409.868.995.087	15.438.218.624	7.342.134.299	183.695.159	514.025.137.736
- Mua trong năm	195.109.653	3.059.054.816	1.278.743.461	195.182.896	-	4.728.090.826
- Chuyển từ XDCB sang	1.621.519.540	48.874.644.806	-	3.051.837.733	-	53.548.002.079
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.166.061.567)	(3.895.570.561)	(174.074.174)	-	(7.235.706.302)
Tại ngày 31/12/2012	83.008.723.760	458.636.633.142	12.821.391.524	10.415.080.754	183.695.159	565.065.524.339
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	28.395.922.566	162.783.897.999	7.837.887.617	5.665.135.158	45.227.852	204.728.071.192
- Khấu hao trong năm	8.450.440.783	29.371.489.483	1.746.869.907	1.555.630.179	24.098.105	41.148.528.457
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.124.095.898)	(3.360.297.735)	(174.074.174)	-	(6.658.467.807)
Tại ngày 31/12/2012	36.846.363.349	189.031.291.584	6.224.459.789	7.046.691.163	69.325.957	239.218.131.842
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	52.796.172.001	247.085.097.088	7.600.331.007	1.676.999.141	138.467.307	309.297.066.544
Tại ngày 31/12/2012	46.162.360.411	269.605.341.558	6.596.931.735	3.368.389.591	114.369.202	325.847.392.497

Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 97.298.282.483 VND (tại ngày 31/12/2011 là 79.720.216.198 VND).

19/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	256.080.000	3.357.097.152	3.613.177.152
Tăng trong năm	-	563.618.700	563.618.700
Tại ngày 31/12/2012	256.080.000	3.920.715.852	4.176.795.852
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	24.896.662	2.068.326.855	2.093.223.517
Khấu hao trong năm	-	279.973.776	279.973.776
Giảm khác trong năm	(24.896.662)	-	(24.896.662)
Tại ngày 31/12/2012	-	2.348.300.631	2.348.300.631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	231.183.338	1.288.770.297	1.519.953.635
Tại ngày 31/12/2012	256.080.000	1.572.415.221	1.828.495.221

Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 1.475.645.108 VNĐ.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Dự án Công ty Bibica Miền Bắc TNHH (*)	30.165.113.429	29.065.929.794
Dự án xử lý nước thải Nhà máy Bibica Biên Hòa	-	3.660.129.728
Dự án SAP	-	527.655.548
Dự án kẹo Lolipop	12.493.319.141	-
Dự án tăng năng suất kẹo dẻo	694.731.284	-
Phần mềm ERP R12	2.523.855.538	-
Cộng	45.877.019.392	33.253.715.070

Ghi chú: (*) Khoản đầu tư vào Công ty Bibica Miền Bắc TNHH do Công ty đầu tư đang trong giai đoạn triển khai xây dựng dở dang. Công ty sẽ bàn giao toàn bộ giá trị xây dựng nhà máy này cho Công ty Bibica Miền Bắc TNHH quản lý và sử dụng khi dự án xây dựng nhà máy hoàn tất trong thời gian tới.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	33.253.715.070	35.120.524.827
Tăng	20.165.274.670	6.775.088.411
Kết chuyển sang tài sản cố định	(5.236.975.973)	(8.476.573.168)
Kết chuyển vào chi phí	(2.304.994.375)	-
Giảm khác	-	(165.325.000)
Tại ngày 31 tháng 12	45.877.019.392	33.253.715.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền thuê đất tại KCN Sài Đồng B	1.775.123.932	1.901.452.075
Phí tư vấn	-	182.271.670
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.395.566.834	1.020.273.029
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.985.877.265	2.424.658.262
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Bình Dương	8.317.785.969	8.557.146.715
Chi phí thuê đất tại Bibica Miền Đông	400.008.333	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	254.038.526	1.598.767.627
Cộng	14.128.400.859	15.684.569.378
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	15.684.569.378	13.268.206.363
Tăng	3.542.253.004	2.782.052.459
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.718.933.523)	(365.689.444)
Giảm khác	(379.488.000)	-
Tại ngày 31 tháng 12	14.128.400.859	15.684.569.378

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn (*)	1.201.997.681	876.135.746
Cộng	1.201.997.681	876.135.746

Ghi chú: (*) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay cá nhân cán bộ công nhân viên kỳ hạn dưới 1 tháng và có thể rút gốc bất cứ lúc nào, lãi suất là 0,98%/tháng.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.174.279.517	10.786.594.575
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.394.458.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.517.674.163	3.180.468.799
Cộng	11.691.953.680	16.361.521.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí marketing	12.613.871.245	11.291.490.547
Quỹ lương bổ sung	10.142.421.270	12.486.166.852
Lương bộ phận bán hàng	6.407.837.938	4.310.510.548
Hoa hồng, thưởng doanh số	3.702.705.733	5.502.704.985
Chi phí vận chuyển	5.660.957.350	5.918.738.344
Tiền điện, nước	410.361.386	268.385.520
Thù lao Hội đồng quản trị	77.968.750	150.000.000
Chi phí thuê mặt bằng, trung bày	-	3.603.890.745
Chi phí xử lý nước thải	61.473.424	741.440.704
Chi phí phải trả khác	829.340.909	582.171.051
Cộng	39.906.938.005	44.855.499.296

19. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	298.371.936	253.139.329
Kinh phí công đoàn	807.877.012	736.045.340
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.186.436.740	1.142.570.093
Cổ tức phải trả	-	97.623.000
Công ty Bảo hiểm PVI ứng trước tiền bồi thường (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản thu từ bán thanh lý hàng hóa, tài sản (*)	3.337.886.595	1.925.805.685
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	580.232.832
Cộng	40.630.572.283	39.735.416.279

Ghi chú: (*) Như trình bày tại thuyết minh số 7, phần thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pìe thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Trong năm 2011, PVI đã tạm ứng tiền cho Công ty để khắc phục sự cố là 35 tỷ đồng. Số tiền thu thanh lý tài sản, hàng hóa bị tổn thất đến ngày 31/12/2012 là 3.337.886.595 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

493 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư tại ngày 31/12/2010	154.207.820.000		302.726.583.351		(543.191.032)		39.909.445.831		7.155.431.382		41.117.533.196		544.573.622.728	
Trích lập các quỹ	-		-		-		22.193.023.772		2.089.000.000		(26.371.023.772)		(2.089.000.000)	
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(15.407.192.000)		(15.407.192.000)	
Lãi trong năm	-		-		-		-		-		46.369.336.076		46.369.336.076	
Tăng/(giảm) khác	-		-		860.529.968		-		-		-		860.529.968	
Số dư tại ngày 31/12/2011	154.207.820.000		302.726.583.351		317.338.936		62.102.469.603		9.244.431.382		45.708.653.500		574.307.296.772	
Trích lập các quỹ (*)	-		-		-		23.228.000.000		2.318.000.000		(27.864.000.000)		(2.318.000.000)	
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(18.505.000.000)		(18.505.000.000)	
Lãi trong năm	-		-		-		-		-		25.885.584.791		25.885.584.791	
Tăng/(giảm) khác	-		-		(317.338.936)		-		-		(2)		(317.338.938)	
Số dư tại ngày 31/12/2012	154.207.820.000		302.726.583.351		-		85.330.469.603		11.562.431.382		25.225.238.289		579.052.542.625	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn đã góp tại 31/12/2012 VND	Tỷ lệ %	Vốn đã góp tại 01/01/2012 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Lotte Hàn Quốc	59.530.000.000	38,6	46.500.000.000	30,20
Cổ đông khác	94.677.820.000	61,4	107.707.820.000	69,80
	154.207.820.000	100	154.207.820.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.420.782	15.420.782
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

21. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	938.970.158.431	1.009.368.246.676
Các khoản giảm trừ doanh thu	9.316.962.686	9.059.852.801
- Hàng bán bị trả lại	9.316.962.686	9.059.852.801
Doanh thu thuần bán hàng	929.653.195.745	1.000.308.393.875

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa	664.229.356.533	709.972.778.184
Cộng	664.229.356.533	709.972.778.184

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	575.775.200.790	607.704.014.766
Chi phí nhân công	82.256.829.734	78.675.142.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.461.822.035	18.727.031.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.865.013.719	3.824.098.371
Chi phí khác bằng tiền	15.116.168.383	14.257.645.297
Cộng	704.475.034.661	723.187.932.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn,	4.646.068.134	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.055.376.126	11.340.936.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia	341.680.609	1.286.914.738
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	295.522.201	2.181.301.327
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.563.902	-
Cộng	<u>6.343.210.972</u>	<u>14.809.152.705</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	388.205.421	6.728.033.220
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	379.997.433
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.030.777.834	5.087.709.614
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	785.613.002	5.724.035.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(4.472.619.614)
Chi phí tài chính khác	1.704.000	16.436.203
Cộng	<u>4.206.300.257</u>	<u>13.463.591.909</u>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.885.584.791	46.369.336.076
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	15.420.782	15.420.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.679</u>	<u>3.007</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	32.464.000.140	55.329.124.721
Công ty Cổ phần Bibica	22.699.563.391	31.028.118.802
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	9.764.436.749	24.301.005.919
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	335.287.209	1.286.914.738
Cổ tức, lợi nhuận được chia	335.287.209	1.286.914.738
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.020.054.189	718.749.366
Thu nhập chịu thuế	33.148.767.120	54.760.959.349
Công ty Cổ phần Bibica	23.384.330.371	30.459.953.430
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	9.764.436.749	24.301.005.919
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế	18.422.807.799	26.988.266.415
Thu nhập từ hoạt động không được ưu đãi thuế	(8.658.371.050)	(2.687.260.496)
Thu nhập được giảm thuế TNDN	18.422.807.799	26.988.266.415
Công ty Cổ phần Bibica	-	-
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (*)	18.422.807.799	26.988.266.415
Thu nhập xác định chi phí thuế TNDN hiện hành	33.148.767.120	48.390.623.927
Công ty Cổ phần Bibica	23.384.330.371	30.459.953.430
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	9.764.436.749	17.930.670.497
Phần thu nhập chịu thuế theo mức thuế suất ưu đãi 15%	18.422.807.799	26.988.266.415
Phần thu nhập chịu thuế thông thường	(8.658.371.050)	(2.687.260.496)
Chuyển lỗ của năm 2010 từ hoạt động không được ưu đãi thuế	-	(6.370.335.422)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế cho năm	6.578.415.349	8.959.788.645
Công ty Cổ phần Bibica	5.846.082.593	7.614.988.358
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	732.332.756	1.344.800.287
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất ưu đãi 15%	1.464.665.512	2.689.600.575
Số thuế được giảm trừ do ưu đãi 50%	(732.332.756)	(1.344.800.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.578.415.349	8.959.788.645

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, trong năm Công ty xác định lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 46221000580 ngày 7/8/2008 thì Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con Công ty Cổ phần Bibica) được hưởng ưu đãi đầu tư đối với thu nhập từ dây chuyền sản xuất Layer Cake, hưởng mức thuế suất 15% trong vòng 12 năm. Công ty được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập hoạt động sản xuất từ dây chuyền sản xuất Layer Cake.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động còn lại. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm sản xuất, kinh doanh bánh kẹo.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận năm 2012

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	761.898.069.489	360.771.292.852	1.122.669.362.341
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	52.026.579.325	(26.145.352.714)	25.881.226.611
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	42.041.508.469	4.105.927.287	46.147.435.756
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	62.314.393.479	67.571.130	62.381.964.609
5. Nợ phải trả	98.214.430.547	91.111.006.190	189.325.436.737
6. Tổng tài sản	703.412.325.887	64.965.653.475	768.377.979.362

Báo cáo bộ phận năm 2011

Chỉ tiêu	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	626.390.725.217	373.917.668.658	1.000.308.393.875
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	96.264.380.513	(49.895.044.437)	46.369.336.076
3. Chi phí khấu hao và chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	28.484.828.250	1.800.453.387	30.285.281.637
4. TSCĐ và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	10.282.277.780	5.439.158.804	15.721.436.584
5. Nợ phải trả	188.362.785.834	20.994.566.649	209.357.352.483
6. Tổng tài sản	611.230.869.796	174.967.189.199	786.198.058.995

Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Nam bao gồm doanh số bán hàng trong khu vực từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Cà Mau. Doanh thu bán hàng của bộ phận miền Bắc bao gồm doanh số bán hàng từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra các tỉnh phía Bắc.

Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Nam bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Biên Hòa, Nhà máy Bibica Miền Đông và văn phòng Công ty. Tài sản và công nợ của bộ phận kinh doanh miền Bắc bao gồm tài sản và công nợ của Nhà máy Bibica Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty Lotte Confectionery Co.,Ltd		
Doanh thu bán hàng	3.660.493.376	57.731.305.245
Mua hàng hóa	3.609.243.978	41.072.260.706

Số dư với bên liên quan

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Lotte Confectionery Co.,Ltd		
Phải thu	(118.233.960)	380.739.420

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.783.128.733	1.704.677.224
Thù lao Hội đồng Quản trị	388.283.772	795.000.000
Cộng	2.171.412.505	2.499.677.224

30. DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY BIBICA MIỀN BẮC

Hiện tại dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc đang trong giai đoạn đầu tư, một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- Địa điểm thực hiện dự án: Đường 206, khu B, khu Công nghiệp phố nổi A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Tổng số vốn đầu tư đăng ký: 265 tỷ đồng;
- Thời gian thực hiện dự án: Từ ngày 25/10/2007 đến ngày 15/01/2054;

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản vay	1.201.997.681	876.135.746
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	49.471.255.612	60.321.483.966
Nợ thuần	(48.269.257.931)	(59.445.348.220)
Vốn chủ sở hữu	579.052.542.625	574.307.296.772

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.471.255.612	60.321.483.966
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.572.327.705	211.358.073.309
Các khoản đầu tư tài chính	2.851.249.601	4.645.772.300
Tổng cộng	97.894.832.918	276.325.329.575

Công nợ tài chính

Các khoản vay	1.201.997.681	876.135.746
Phải trả người bán và phải trả khác	124.178.298.703	133.887.825.920
Chi phí phải trả	39.906.938.005	44.855.499.296
Tổng cộng	165.287.234.389	179.619.460.962

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.017.904	11.051.218.559	7.982.414.729	1.372.698.902
Euro (EUR)	321.260.556	6.480.571.132	399.011.246	449.741.629

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	797.639.682	-967.851.966
Euro (EUR)	7.775.069	-603.082.950
	805.414.752	-1.570.934.916

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
31/12/2012	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.471.255.612	-	49.471.255.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.572.327.705	-	45.572.327.705
Các khoản đầu tư tài chính	2.851.249.601	-	2.851.249.601
Cộng	97.894.832.918	-	97.894.832.918
31/12/2012			
Các khoản vay	1.201.997.681	-	1.201.997.681
Phải trả người bán và phải trả khác	122.427.682.703	1.750.616.000	124.178.298.703
Chi phí phải trả	39.906.938.005	-	39.906.938.005
Cộng	163.536.618.389	1.750.616.000	165.287.234.389
Chênh lệch thanh khoản thuần	-65.641.785.471	-1.750.616.000	-67.392.401.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
01/01/2012	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.321.483.966	-	60.321.483.966
Phải thu khách hàng và phải thu khác	211.358.073.309	-	211.358.073.309
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.645.772.300	4.645.772.300
Cộng	271.679.557.275	4.645.772.300	276.325.329.575
01/01/2012			
Các khoản vay	876.135.746	-	876.135.746
Phải trả người bán và phải trả khác	132.212.209.920	1.675.616.000	133.887.825.920
Chi phí phải trả	44.855.499.296	-	44.855.499.296
Cộng	177.943.844.962	-	179.619.460.962
Chênh lệch thanh khoản thuần	93.735.712.313	4.645.772.300	96.705.868.613

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên bảng câu đối kế toán hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.



Trương Phú Chiến
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Ngô Thị Kim Phụng
Kế toán trưởng